

## “CON NGƯỜI KINH TẾ” QUA TẤM GƯƠNG SOI CỦA CHỦ NGHĨA DUY TÂM ĐẠO ĐỨC

VALENTINA PHÊĐÔTÔVA \*

Một thời gian dài, sách báo khoa học của chúng ta (sách báo triết học và kinh tế hào hứng lý tưởng hóa con người “đạo đức”, nói đúng hơn là con người “không phải đạo” phải là đối tượng của sự phê phán, đối tượng của sự gạt bỏ về mặt tư tưởng. Trớ trêu thay, câu cách ngôn nổi tiếng của Ph. Nitso “con người là một cái gì đó cần phải chiến thắng” hoàn toàn có thể trở thành khẩu hiệu hành động của lối tư duy như thế.

Chủ nghĩa duy tâm đạo đức theo quan điểm này là chủ nghĩa duy tâm ở hai ý nghĩa: vừa như là một ý tưởng lãng mạn khi nhận định thực tế thông qua lăng kính lí tưởng hóa, vừa như là chủ nghĩa duy tâm theo nghĩa triết học - thừa nhận tính thứ nhất của lí tưởng, của ý thức trong quan hệ với lối sống thực tại.

Một trong những định kiến nặng nề nhất của chủ nghĩa duy tâm đạo đức là ở chỗ nó tin tưởng rằng, kích thích về kinh tế thuộc vào số các động cơ nguyên thủy, sơ đẳng nhất... Cho rằng những động cơ kinh tế đó không thể hình thành được nhân cách... rằng, ý thức nghĩa vụ, bổn phận và trách nhiệm được xuất hiện ở những trình độ cao hơn. Trong những năm 20 - 30 của thế kỷ chúng ta, định kiến này đã được các nhà xã hội học tiếp nhận và đã được áp đặt vào trong khái niệm “con người kinh tế”, tức là con người định hướng theo lối thuần túy thực lợi và không hề có một khái niệm nào về sự lựa chọn hoàn toàn đạo đức” (<sup>1</sup>).

Hiện nay, trong tâm lý học và xã hội học ở nước ngoài, người ta phân chia 2 loại hình nhân cách: A. và B.

*Loại hình A:* Đây là con người “kinh tế” năng nổ, hoạt động, luôn hướng tới kết quả hành động, nỗ lực phấn đấu trong lao động và bằng mọi cách đạt được mục tiêu đề ra, sẵn sàng hạn chế nhu cầu trước mắt ở mức thấp nhất. Trái lại, *Loại hình B:* Đây là con người thụ động, trầm tư, khao khát lạc thú, và mong muốn nhận được tất cả ngay lập tức, đối với hắn ta kết quả lao động không phải là thước đo chủ yếu của phát triển nhân cách.

Cần phải lưu ý rằng, trong lịch sử loại hình A là lí tưởng đạo đức của đạo tin lành và loại hình này đã thích ứng được với các yêu cầu về mặt xã hội trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản. Nhưng, trong thế giới hiện đại, lí tưởng này ngày càng bị phê phán về nhiều mặt. Có thể thấy nổi lên 3 khuynh hướng phê phán chủ yếu: Trên

---

\* V. G Phêđôtôva: Tiến sĩ triết học, nghiên cứu viên chính của Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô. Tác giả của nhiều công trình khoa học về các vấn đề triết học xã hội, về vấn đề đời sống tinh thần của xã hội Xô Viết, trong số đó có quyển sách “Phê phán các định hướng văn hóa xã hội trong triết học tư sản hiện đại” (chủ nghĩa duy khoa học và chống chủ nghĩa duy khoa) và “Cái giá của sự tiến bộ”.

<sup>1</sup> E. Ju. XôlôViep. Điều cốt lõi của tám thảm kịch “thế giới mới” 1968 số 9 trang 227.

quan điểm bình đẳng, trên quan điểm phản văn hóa và trên quan điểm sinh thái học. Thật vậy, loại hình A nhằm vào thành tích, muốn vượt lên phía trước một mình, nhằm chơi trội bất chấp sự bình đẳng và điều đó đã bị phê phán. Phong trào phản văn hóa nghi ngờ vào vị trí trung tâm của lao động trong lối sống, nghĩa là muốn xét lại chuẩn mực đạo đức cơ bản của loại người trên. Phong trào sinh thái thì vạch ra hành động xô bồ của loại người đó đưa lại nhiều tai họa cho môi trường xung quanh. Ngoài các khuynh hướng phê phán này có thể kể thêm sự bất mãn đối với chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa chủ quan của con người “kinh tế”, sự phê phán tiến bộ nói chung và là những chứng cứ về mặt y tế. Xã hội đang lo ngại trước một điều kiện là, loại người năng động và có ý chí kiểu A này với chủ nghĩa thực dụng của mình, với niềm tin mù quáng vào sức mạnh của khoa học và sự coi thường các giá trị nhân văn như tất yếu khách quan đang trở thành hiểm họa thực sự đối với sinh thái, đối với thế giới và thậm chí đối với cả bản thân anh ta, bởi vì nó tạo ra một nếp sống luôn căng thẳng thần kinh và không an toàn về phương diện y tế. Đó là lý do vì sao mà ở phương Tây uy tín của loại người A đang giảm xuống và cảm tình của mọi người đang nghiêng về loại hình B.

\*

\*      \*

Ở chúng ta chắc gì tình hình là trái ngược lại. Trong những điều kiện thống trị của chế độ hành chính quan liêu, đã phát sinh hàng loạt những con người loại B, loại người thụ động với những tác nhân kích thích của lao động. Nguyên nhân là ở chỗ trong hệ tư tưởng chính thống một thời gian dài như đã biết, người ta coi động cơ vật chất của lao động là thứ “hạ đẳng”, còn quan điểm bình đẳng trong trả công lao động về thực chất, là sự thủ tiêu những con người lao động “kinh tế”. Bây giờ đã thật rõ ràng: luận thuyết về sự bình đẳng như trên là không có sức thuyết phục. Trong xã hội đang âm thầm diễn ra sự biến đổi cơ cấu xã hội, sự phân hóa đã trở nên sâu sắc hơn thêm nữa không phải chỉ là sự phân hóa về của cải (giống như kết quả của “nền kinh tế ngầm”) mà sự phân hóa còn diễn ra cả trong lĩnh vực các giá trị văn hóa.

Có thể đặt câu hỏi là: thế chúng ta có khuyếch đại kích thước và tính phổ biến đối với các hành vi của loại người B hay không? Chẳng lẽ trong chúng ta trước kia và hiện nay lại có ít những người say mê, hăng hái, năng động sáng tạo như loại người A hay sao? Ở đây điều quan trọng là phải làm rõ ràng; loại hình A về mặt tâm lý không còn nghi ngờ gì nữa, khá phổ biến trong xã hội ta. Song tai họa là ở chỗ các điều kiện giúp cho nó bộc lộ ra hành động đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, đã không có trong xã hội ta. Và ngày nay sự tụt hậu thảm hại so với phương Tây trong năng suất lao động, trong lĩnh vực tiến bộ khoa học - kỹ thuật và “chất lượng cuộc sống” chính là sự trả giá của chúng ta cho điều đó.

Song nguyên lí hoạt động hần sâu trong con người không cam chịu cảnh chân không, do đó ngay cả trong những điều kiện xã hội không thuận lợi thế nào nó cũng tìm được cho mình một con đường đi có khi là ở trong các hình thức lệch lạc mà thường là ở trong hình thái phản xã hội.

Chủ nghĩa xã hội do chưa đạt đến mức phát triển kinh tế để có thể nói về con người “kinh tế” như là một sản phẩm tự nhiên của chế độ, đã sản sinh ra con người “kinh tế” với những nét rất đặc trưng của nó - đó là con người mong muốn thỏa mãn những nhu cầu về lợi ích vật chất trong điều kiện chưa phát triển về kinh tế xã hội và hẳn ta đã khá thành đạt trong lĩnh vực này. Thông thường, con người “kinh tế”

của chúng ta có khả năng thỏa mãn lợi ích vật chất, đi dần tới địa hạt của chủ nghĩa quan liêu, được quyền làm những nghề đặc biệt. Thường hẳn ta phù hợp với các mô hình của xã hội học những năm 20 - 30 mà trong đó nó hiện ra như là con người một chiều, phiến diện, làm tiêu tan đi tất cả mong muốn và khả năng của con người.

Song con người “kinh tế” cũng có thể có một diện mạo hoàn toàn khác đi mà các giá trị vật chất của hẳn ta, vẫn chiếm chỗ ưu tiên trong sở thích riêng, thể hiện qua sự thu nhập những đồng tiền chính đáng, những đồng tiền do lao động mà ra.

Tuy vậy, con người sung túc về kinh tế hoàn toàn có thể không phải là người “kinh tế”, mà nếu nói chặt chẽ hơn, thì hẳn ta chỉ thường trở thành người “kinh tế” khi mà lợi ích kinh tế là cứu cánh đối với hẳn ta. Rõ ràng là loại người như thế có thể có chỗ đứng cả trong những điều kiện của nền kinh tế phồn vinh cũng như lạc hậu. Nhưng trong mọi trường hợp, con người “kinh tế” luôn luôn là sản phẩm của sự bất bình đẳng hay là sự không công bằng xã hội. Và bởi vì việc đẩy mạnh phát triển kinh tế theo chiều sâu, trong một thời gian dài bị xã hội ta coi là nguồn gốc tạo ra sự bất bình đẳng và không công bằng nên điều đó chỉ được tiến hành một cách bất hợp pháp. Thật là phi lý khi con người phải hàng giờ đứng xếp hàng để mua “hàng khan hiếm” của bọn đầu cơ, phải chịu cảnh sống trong những căn nhà tồi tệ với tiền lương ít ỏi, thế mà trong chủ nghĩa duy tâm đạo đức của nhiều nhà lí luận, hẳn ta được hiện ra như là một người có đời sống tinh thần phong phú hơn hẳn những người “thu vén” rất tài tình về mặt vật chất.

Sau khi thôi áp dụng chính sách kinh tế mới, con người “kinh tế” ở nước ta chỉ có thể tồn tại một cách bất hợp pháp. Nhưng chính sự tồn tại bất hợp pháp này đã làm cho cả nhà nước và xã hội đối kháng với hẳn ta. Trong ý thức xã hội, động cơ kinh tế của con người “bất hợp pháp” là nằm ngoài pháp luật, ngoài lý tưởng hữu ích xã hội và bị đánh giá thấp kém về mặt xã hội.

Hiện nay, những lý do để đánh giá như vậy đã ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn. Con người “kinh tế” của những năm 70 đã chuyển từ lĩnh vực sản xuất (là lĩnh vực mà mặc dù là trái pháp luật, nhưng dù sao hẳn ta cũng sản xuất một thứ gì đó) sang lĩnh vực phân phối và quan liêu, chỉ nhằm vào các vấn đề *phân phối*. Con người “kinh tế” này dần dần đã thâm nhập vào tay mình cả những phúc lợi tinh thần, mà quả thực là thoát đầu bản thân hẳn ta cũng không thể sử dụng nhiều lắm, nhưng hẳn ta đã trừ chúng lại để dành. Nhưng dần dần thì “con người làm ăn” bất hợp pháp cũng đã chán ngán “xã hội tốt đẹp”. Đây, ngay như anh thợ cắt tóc thời thượng - anh ta là khách xem thường xuyên của các buổi chiếu đặc sắc ở rạp chiếu bóng, anh ta am hiểu các sách mới về văn học và sân khấu, thường xuyên đi tới bể bơi và chơi ten nít. Đây ngay như anh hàng thịt có nhiều thời gian, có nhiều tiền, anh ta sử dụng chúng để đi du lịch và thích chuyện trò với “đồng nghiệp”. Con người kinh tế bất hợp pháp mong muốn bằng mọi cách xóa bỏ bản thân mọi dấu vết của sự nghèo nàn tinh thần mà báo chí và dư luận đã nói tới. Cho nên một hiệu cắt tóc tinh tế - vừa là một phòng khách thời thượng lại vừa là một nơi mua bán, nơi có thể nắm được mọi tin tức về những người nổi tiếng của địa phương và cả một số bí mật trong đời sống riêng có những người nổi tiếng hơn. Khi một tiến sĩ khoa học của thủ đô đi vào một nơi như thế thì không thể nào biết ngay được đây là đâu và ông ta sẽ cố gắng chứng minh rằng đây không phải là nơi như mọi người nói, mà là một nơi cũng có ý nghĩa và cũng có hiểu biết. Và những buổi nói chuyện ít thực tế này sẽ bám chặt vào hồi ức như mùi nước hoa rẻ tiền...

Trong khi chúng ta chê bai con người “kinh tế” vì sự nghèo nàn tinh thần thì trên nấc thang tiêu dùng các sản phẩm tinh thần hẳn ta đã chiếm một vị trí rất nổi bật. Khả năng của hẳn ta về thương thức “các sản phẩm tinh thần quý hiếm” - sách, kịch, triển lãm, hòa nhạc - đôi khi đã hạ thấp mức nhu cầu xã hội, tạo ra các đơn đặt hàng xã hội mà hầu như toàn bộ sản xuất tạp chí, mốt, mỹ thuật công nghiệp phục vụ cho chúng. Con người “bất hợp pháp”, sau khi chiếm được vị trí kinh tế nổi bật trong đời sống đất nước những năm 70, đã tỏ rõ vị trí đứng đầu trong lĩnh vực kinh tế và cả trong lĩnh vực văn hóa.

\*

\*       \*

Một loại người “kinh tế” hoàn toàn khác được giới thiệu trong các bài viết của các nhà phóng sự nước ta, trước tiên vì V. Oveehkin và hiện nay là trong các công bố của A. Streliang, Ju. Chernhichenco. Đây là các ông chủ tháo vát, căn cơ, am hiểu công việc của mình, yêu thích nó, yêu quý đất đai không phải bằng tình cảm chiêm ngưỡng của một người du lịch hay của một nhà thơ mà là bằng tình cảm năng động nghề nghiệp, do sinh ra từ lao động trên đồng ruộng, từ nghề nghiệp, từ thiên nhiên. Đây chính là N. Xipkop (“người nông dân Arkhanghen”) của A. Streliang trong bộ phim vô tuyến cùng tên, là những người thợ lái máy gặt đập liên hợp, những người thợ cơ khí của Ju. Chernhichenco. Con người “kinh tế” như vậy, tất nhiên bị chi phối bởi động cơ lợi ích kinh tế và bộc lộ một cách cũng khác. Song chân dung “kinh tế” của anh ta không thể vẽ được nếu thiếu các đặc trưng nhân cách như sự mạnh bạo, sự thành đạt, yêu lao động, bền bỉ dẻo dai, dám mạo hiểm, có lương tâm và trách nhiệm v.v... Nói một cách khác, *trong trường hợp này động cơ kinh tế sơ đẳng đã mất đi sắc thái ích kỷ và vụ lợi đồng thời quyện vào kết cấu thống nhất của quan hệ lao động tới cuộc sống như là một giá trị chủ yếu.*

Sự đánh giá xã hội về các tác nhân kích thích kinh tế trong xã hội xã hội chủ nghĩa đã có những biến dạng đáng kinh ngạc: đã một thời, những đánh giá của các nhà Mác xít kinh điển liên quan tới chủ nghĩa tư bản ở phương Tây đã được chuyển vào đời sống chúng ta và các triết gia của chúng ta đã tiến hành cuộc đấu tranh chống các tệ nạn của nền văn minh ngay cả trước khi chúng xuất hiện ở nước ta. Con người “kinh tế” của phương Tây được đưa vào vòng đua tiêu thụ như là kết quả của cuộc chạy đua vì lợi nhuận của chủ nghĩa tư bản, ít giống với con người “kinh tế” của chúng ta dù đó là loại người làm ăn hay là loại người “bất hợp pháp” lao động chân chính. Nỗi sợ hãi bị di truyền tinh thần tiêu thụ của chủ nghĩa tư bản mặc dù nó đã che đậy một nguy cơ khác hoàn toàn không nhỏ bé - *Sự di truyền các tệ nạn của chế độ phong kiến.*

Sau khi bước vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa với mức độ tập trung hóa sản xuất cao ở các thành phố lớn, thực chất nước Nga vẫn còn là một nước nông nghiệp chưa được tư sản hóa đầy đủ. Nhiều vùng địa lí dân cư vẫn còn giữ nguyên các tập tục của thời kì trung cổ. Nhân vật X. Dalurghi trong tiểu thuyết “Sau cơn bão” đã chứng tỏ đầy thuyết phục về cái điếm xuất phát thấp kém của chúng ta khi bắt đầu. Các tệ nạn và tàn dư của chế độ phong kiến vẫn tồn tại ở nước ta cho đến ngày nay, hơn nữa không phải chỉ có ở các vùng xa xôi hẻo lánh. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác luôn luôn phân tích thực trạng hình thái xã hội nhất định một cách lịch sử - cụ thể. Họ đánh giá chủ nghĩa tư bản là một xã hội tiên tiến hơn chủ nghĩa phong kiến

nhưng kém tiến độ hơn so với chủ nghĩa xã hội. Phương pháp này có tầm quan trọng ngay cả khi đánh giá các tàn dư. Nếu như để ngăn ngừa các tàn dư của chủ nghĩa tư bản chúng ta thay thế chúng bằng các giá trị xã hội chủ nghĩa - thì điều đó tất nhiên là rất tốt. Nhưng nếu như trong cuộc đấu tranh chống “Những ung nhọt và quái thai của chủ nghĩa tư bản” chúng ta lại sử dụng các vũ khí trong kho của chủ nghĩa phong kiến - thì quả thật là tồi tệ. Vậy mà không ít trường hợp đã xảy ra như thế.

\*

\*      \*

Hiện nay ở nước ta diễn ra cuộc đấu tranh tích cực chống lề thói quan liêu, cục bộ, những tệ nạn này, về thực chất là cố hữu theo kiểu phong kiến - quan lại, định hướng từ mục tiêu của một bộ phận nào đó (các ngành, các bộ), nhưng không chú ý tới mục tiêu của cả xã hội. Do đâu mà tàn dư của chủ nghĩa phong kiến lại hiện ra rõ rệt như thế? không đề cập đến tất cả các nguyên nhân, chúng tôi chỉ xin dừng lại ở một điểm thôi (chúng tôi đã mở đầu bài báo từ điểm đó) - Đó là chủ nghĩa duy tâm đạo đức trong việc đánh giá các tác nhân kích thích kinh tế.

Ai cũng biết nhận định trước đây của Mác về những quan hệ được dùng làm cơ sở cho một xã hội có các loại hình thái khác nhau. Ông viết: “những quan hệ phụ thuộc cá nhân (ban đầu hoàn toàn sơ khai) - là các hình thức xã hội, mà trong điều kiện đó năng suất lao động của con người chỉ được tăng lên một cách không đáng kể và chỉ có tính chất biệt lập. Sự độc lập cá nhân dựa trên sự phụ thuộc tài sản - là hình thức lớn thứ 2 của xã hội, mà với điều kiện đó lần đầu tiên đã hình thành hệ thống chung toàn xã hội về trao đổi vật chất, trao đổi mọi mặt quan hệ, mọi nhu cầu và mọi khả năng tiềm tàng. Cá tính tự do trên cơ sở phát triển cá nhân toàn diện và trên cơ sở chuyển năng suất lao động tập thể và xã hội của họ thành phúc lợi xã hội - giai đoạn thứ 3”.

Cái gì đã phân biệt giai đoạn sau cùng với giai đoạn trước đó? Đó là, giai đoạn này chỉ có thể sinh ra trên cơ sở của giai đoạn trước mà thôi. Nghĩa là, chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xuất hiện trên cơ sở của chủ nghĩa tư bản. Song điều đó không có nghĩa là giai đoạn phát triển là bản chủ nghĩa phải được trải qua một cách đầy đủ rồi sau đó mới chuyển lên giai đoạn xã hội chủ nghĩa. Mác đã nói khác, mà cụ thể là nói rằng, *tất cả* tiền đề vật chất của chủ nghĩa xã hội cần phải được tạo ra - ngay cả sau khi cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công. Bởi xem thường điều kiện này nên cả nước ta lẫn nhiều nước khác đã có những đánh giá sai lầm về mức độ chín muồi của chủ nghĩa xã hội.

Và mặc dầu ở nước Nga, chủ nghĩa tư bản đã gây ra những vấn đề phức tạp riêng của mình, điều này tăng lên rất nhanh trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, vậy mà vẫn còn các tàn dư phong kiến chỉ có điều là chúng ta đã im lặng hoặc nói tới rất ít cả đến ngày nay. Ở nước Nga trước cách mạng đã không có ngay cả đến hệ thống “trao đổi vật chất chung toàn xã hội”, chưa có hệ thống quan hệ phổ biến và nhu cầu toàn diện. Quá trình trừu tượng hóa hiện thực đã được chủ nghĩa tư bản thực hiện ở phương Tây sau khi đã tạo ra hệ thống quan hệ trừu tượng, duy lý hiện vật và đồng thời các mối liên hệ *phổ biến* được củng cố bởi cơ chế hàng hóa - tiền tệ và lôgic - là cái, theo lời của Hêghen, đóng vai trò như tiền tệ của đời sống tinh thần - Quá trình đó ở chúng ta đã không có. Ở nước Nga, chủ nghĩa tư bản không thể thâm nhập qua toàn



bộ lớp quần chúng đông đảo của xã hội và bởi thế cho nên những cải biến xã hội chủ nghĩa còn phải thực hiện công việc này trước tiên nhằm tạo ra các mối liên hệ phổ biến, nhằm hình thành những cá nhân có khả năng thoát khỏi những trói buộc cộng đồng để rồi sau đó hợp nhất lại trong những hội liên hiệp mới. Quá trình này chỉ có thể duy trì được tính chất lịch sử - Tự nhiên với điều kiện là nó được thực hiện bằng các *biện pháp kinh tế* trong khuôn khổ của chủ nghĩa xã hội. Văn học chính luận ngày nay đã giới thiệu rõ ràng những cái mốc đã diễn ra điều đó: Trên một vài phương diện đó là chính sách kinh tế mới, và tiếp theo - đó là cuối những năm 50, và cuối cùng - là ngày nay: Cải tổ và tăng tốc. Toàn bộ thời gian còn lại phương thức *chính trị* đã áp đảo trong quá trình thực hiện các cải biến cần thiết nhằm tạo ra các quan hệ kinh tế và xã hội chín muồi mà ngày nay phương pháp này có tên gọi là phương pháp hành chính mệnh lệnh. Sự quan liêu hóa như là kết quả của các quá trình này với toàn bộ các hiện tượng tiêu cực của nó, không phải là phương thức kinh tế lịch sử - tự nhiên, mà là “lịch sử - nhân tạo”, là một mưu toan hấp tấp muốn kết thúc quá trình phân rã của các kết cấu phong kiến - làng xã mà lịch sử chưa giải quyết xong và tạo ra các quan hệ trừu tượng, dù không phải là quan hệ đồ vật (như được chủ nghĩa tư bản) giữa những con người với nhau.

Đạo bãi vật của xã hội tư bản cắm rễ vào trong sự tiếp nhận các quan hệ cá nhân như là quan hệ đồ vật. Các nhà nghiên cứu của xã hội phương Tây coi việc tăng tính hợp lý hóa biểu lộ trong lĩnh vực làm việc cũng như trong quan hệ của con người là đặc tính riêng của nó. Sự ngự trị của quan hệ đồ vật đã làm đơn giản hóa đời sống thực tiễn và đồng thời đơn giản hóa đời sống tinh thần. Tính hợp lý, tính trừu tượng của các mối quan hệ có ý nghĩa mục đích tự thân.

\*

\*       \*

Chủ nghĩa xã hội vượt qua các thiếu sót tư bản, đang tạo ra các bãi vật của mình những bãi vật này chỉ trong một mức độ nhất định là do xã hội chủ nghĩa sinh ra: Ở mức độ nói về việc coi các quan hệ khách quan như là các quan hệ riêng tư. Trong xã hội phong kiến sự ngự trị của các quan hệ riêng tư tạo ra tri giác như vậy là hoàn toàn bình thường và các quan hệ xã hội khách quan trong trường hợp này đã che đậy bởi một lớp vỏ họ hàng, đẳng cấp, làng xã, lệ thuộc riêng tư. Nhưng dưới chủ nghĩa xã hội có lí do riêng để xuất hiện việc bãi vật hóa như thế. Nó gắn liền với việc chủ nghĩa xã hội thực sự là lần đầu tiên, đã đưa quần chúng vào việc sáng tạo lịch sử một cách tự giác, với việc nâng cao vai trò của quần chúng và cá nhân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa trong ý thức hàng ngày nhiều quá trình có *dáng vẻ khách quan của những, công việc hoàn toàn cá nhân* mà bề ngoài phần lớn tùy thuộc vào loại người nào (“tốt” hay “xấu”) tham gia vào các quan hệ nhận định. Do đó các quan hệ kinh tế đôi khi được luận giải như là quan hệ pháp luật, quan hệ đạo đức. Ví dụ như, thái độ thô lỗ rất phổ biến của người bán hàng ở mức ý thức thông thường được giải thích bằng những lí do “cá nhân” nào đó, đã sinh ra mong muốn tích cực *dạy* cho người bán hàng một bài học, hay than phiền về họ v.v... Ở đây sự phá hủy *khách quan* công việc của cơ chế hàng hóa đã không được nhìn thấy.

Một ví dụ cá biệt trong hoàn cảnh tương tự sẽ tìm được ý nghĩa và một lời giải thích vạn năng. “Hệ thống lý tưởng hóa ngấm ngấm được thông qua, được thể chế hóa

và được tuyên bố khi cần thiết đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phổ biến rộng rãi phương thức phân tích và đánh giá thực tiễn hành chính của nhà nước, theo đó thì sự không hoàn thiện của hệ thống quản lý nhà nước hiện hành phần lớn là do phẩm chất cá nhân của những người nằm trong bộ máy quản lý và phục tùng bộ máy đó. Người ta giả định rằng, nói chung bộ máy quản lý nhà nước là hoàn thiện còn các thiếu sót nào đó của nó là do sự không hoàn thiện của bản tính con người chứ không phải của các cơ quan quản lý nhà nước” (1)

Ở đây đã nêu ra đặc tính chung của chế độ quan liêu mà nó thâm nhập vào cả chủ nghĩa xã hội, nhưng theo quan điểm của chúng tôi, những đặc trưng riêng của lễ thói quan liêu xã hội chủ nghĩa là ở chỗ nó thể hiện sự quá nóng vội về mặt lịch sử mà rốt cuộc là sự nóng vội này đã bị đảo ngược lại thành sự trì trệ và vật cản đường tính năng động cần thiết của xã hội.

Như bài chính luận của A. Streliang đã vạch ra, chủ nghĩa thuần túy đạo đức mà “những người phi sản xuất hàng hóa” đã thể hiện trong nền kinh tế nước ta đã biểu lộ các đặc điểm của chủ nghĩa duy tâm giống như lập trường của những người dân túy, những người theo chủ nghĩa xã hội không tưởng: “chủ nghĩa chủ quan vô ý thức và thuyết duy ý chí - chúng ta là như thế đó, chúng ta có thể làm tất cả, trong lịch sử không hề có hướng đích, chỉ có mong muốn, vẫn là những dự định hành động trực tiếp vẫn là sự tin tưởng rằng một nhóm nhỏ những người giác ngộ và kiên quyết nhất, biết đồng tâm nhất trí có khả năng tùy ý cải biến toàn diện thực tế xung quanh, điều gì cần thì áp dụng, cái gì thừa thì thủ tiêu... Sự ham muốn này không đếm xỉa gì đến đời sống mà chỉ căn cứ vào ý kiến chủ quan về nó. Tính hay mơ mộng, sự bất mãn với những yếu tố con người hiện có mà đang bị hư hỏng, hoen ó bởi sự trục lợi, không tự nguyện đi tới thiên đường, thái độ kiên quyết của họ đi đến đáy bằng cây gậy chỉ huy và triệt hủy các vết tích bẩm sinh bằng sắt nung đỏ. Thị hiếu này làm cho ta nhớ lại không phải ai khác ngoài những nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng. Những ông bà quan liêu sành sỏi với đồng công văn giấy tờ cùng với những người tiên tiến trong xã hội, tức là các luật sư, các phó giáo sư và các nhà chính luận thiện nghệ - đó là người anh hùng kiêu những nhà dân túy cuối cùng, chính hẳn ta phải dẫn dắt quần chúng Nga đi theo quan điểm của những nhà dân túy... Sự giáo dục tất cả văn hóa, toàn bộ đời sống tinh thần... phải chịu sự quản lý đặc biệt của các ông bà quan liêu ấy” (2).

Sự ảo tưởng quan liêu hi vọng vào những điều tốt đẹp hơn, mong muốn tới những điều tốt đẹp nhất, nhưng lại coi thường các qui luật xã hội, chủ nghĩa duy tâm, những sự hào nhoáng tuyệt vời đã không đem lại sự chuyển biến tích cực, trái lại quan liêu này đã mang lại cho đất nước ta vô vàn tai họa.

Sự không hiện thực của các mục tiêu, sự giả tạo trong đánh giá, các hình thức mị dân được nở rộ với sự giúp sức của ngôn ngữ đặc biệt nhân tạo, quy giảm tất cả về việc lựa chọn các khuôn mẫu từ ngữ khác nhau đó chính là đặc điểm của các loại ảo tưởng nêu trên.

<sup>1</sup> V. P. Macarenco. Phân tích sự quan liêu của xã hội có đối kháng giai cấp trong các tác phẩm thời trẻ của Các Mác. Rôstốp trên sông Đông. 1985, trang 12.

<sup>2</sup> A. Streliang. Thu và chi. Chủ nghĩa xã hội tư tưởng chống lại “Chủ nghĩa xã hội tình cảm”. Tạp chí “Ngọn cờ”, Số 6, trang 197. Xem thêm: A. Xipko. Ý niệm chủ nghĩa xã hội. 11-1676.

Thế nhà chính luận A. Streliang có quan điểm lựa chọn giải pháp nào? Đó dường như là quan điểm kinh tế - Đem lại cho con người khả năng phát huy sáng kiến trong lĩnh vực kinh tế. A. Streliang tin tưởng rằng: “không hiếm những người nông dân Arkhaghen” có tài xoay xở, không đánh mất hứng thú lao động, dũng cảm, táo bạo, có óc sáng kiến. Và đây đứng trước chúng ta là Xipcốp, người mà cho thấy nhiều về “không phải là người như thế”. Ở trung tâm bộ phim phóng sự của mình A. Streliang đã đặt câu hỏi: “Thế Xipcốp có phải là Culác hay không?”. Trong cảnh phim ông ấy đã xúc động nói với Xipcốp: tất cả phụ thuộc vào câu trả lời đối với câu hỏi này - cả thái độ đối với anh ta, đối với sáng kiến của anh ta, cả số phận công việc của anh ta và tương lai của anh ta nữa. Xipcốp đã giải thích rằng anh ta không có người làm thuê, nhưng có tập đoàn sản xuất và nói chung không có gì giống với Culác cả. Anh ta có lẽ cũng coi chính câu hỏi này là quan trọng và đã trả lời nó hoàn toàn nghiêm túc. Song vẫn có cảm giác rằng, mặc dù anh ta phát ngôn chính - *Nhưng đó không phải là ý kiến riêng của anh ta* mà là ý kiến của những người quyết định số phận cuộc thực nghiệm mà Xipcốp đang tiến hành. Và tính ước lệ của câu hỏi đặt ra là, ở đây không nói về con người Culác nguyên bản mà là về “tâm hồn Culác”, đạo đức Culác. Một nhân vật khác của A. Streliang trong bút kí “Ở Tabun” là Begun, giáo sư thống kê cũng coi vấn đề đó là thực sự quan trọng - dưới ánh sáng giai cấp cũng như ở phương diện tinh thần. Nhưng chúng tôi thì cho rằng cách đặt vấn đề như thế này không phải là căn bản. Ở năm thứ 73 của chính quyền Xô viết mà chúng ta vẫn còn sợ hãi tầng lớp Culác ở phương diện giai cấp hay sao? Thời đại và chế độ đã giải quyết vấn đề này rồi. Còn “tâm hồn Culác” thì sao? Đây là một vấn đề phức tạp, nó tùy thuộc vào sự định hướng đến một kiểu loại tinh thần nhất định.

Xipcốp một con người tháo vát cần cù, khôn ngoan, tự tin, sáng tạo, như người ta thường nói, đứng vững bằng 2 chân trên mặt đất. Cũng có nhiều người như Xipcốp. Và tất cả sự tính toán chính là nhằm tới điều này, tức là nhằm làm sao có nhiều người có nghị lực và chuyên cần như thế, say mê công việc, khoáng đạt, có tinh thần trách nhiệm. Đây có phải là sự tính toán kinh tế hay không? chỉ là một phần nào thôi, bởi vì về mặt vật chất Xipcốp thực sự nhằm hướng tới kết quả tốt. Nhưng phần lớn hơn sự tính toán này đã nhằm tới năng lực sáng tạo, tính cương nghị của con cái anh ta, những tập đoàn sản xuất của anh ta. A. Streliang kêu gọi, hãy tạo điều kiện cho những người muốn lao động và sinh sống như vậy và về điểm này chúng tôi đồng ý với ông ấy. Hãy tạo điều kiện! Thực ra vấn đề không phải ở chỗ đó - người ta vẫn đang tạo điều kiện. Hướng tới việc đấu thầu của cái gia đình phần thưởng khuyến khích của anh ta là một trong những biện pháp kinh tế chủ yếu nhất của cai tổ. Vấn đề ở chỗ khác: làm như thế nào để Xipcốp hòa nhập vào sự tiến bộ của thế giới? Bởi vì lao động của anh ta không thể chỉ là sự thể hiện lòng căm ghét đối với các trở lực quan liêu, mà cần phải kết hợp năng lực của anh ta với những công nghệ nông nghiệp tiên tiến nhất!

Còn một vấn đề khác: cánh cửa vào thế giới nào được mở ra cho những người nông dân đang tắc nghẽn ở những vùng xa xôi hẻo lánh - phải chăng là vào thời đại mà K. Phêđin và I. Xôcôlôp Mikitop đã mô tả, hay là vào thời đại của chúng ta? Giám đốc của nông trường nơi Xipcốp được cho vào đấu thầu gia đình, đã nói thẳng về mối nguy nan của việc thực nghiệm: Liệu mai đây con trai của Xipcốp không muốn làm công việc này thì sao. Vợ của anh ta thì không muốn sống ở nơi rừng, còn con gái thì quyết định vào đại học - và khi đó cái gì sẽ xảy ra? Chẳng lẽ khoản hoa lợi, tiền bạc có thể giữ được họ ở lại mảnh đất quê hương?



Bộ phim về Xipcốp - đây gần như là bộ phim về tình yêu ruộng đất, sùng kính tổ tiên, là bộ phim về nghĩa vụ đạo lý của con người đối với công việc của mình trên ruộng đồng, về sự yêu thích lao động, về truyền thống, về tính kế thừa của các thế hệ, về sức mạnh của tinh thần, về sự nguy hại của chế độ quan liêu. Đây là bộ phim về kiểu người mới, về con người loại A, về tâm hồn con người - không phải là tâm hồn thương ngoạn truyền thống được gán cho người Nga (“tính siêu hình”, tính từ tâm, tính mơ mộng), mà về tinh thần năng động sáng tạo của con người đơn giản nhưng là kiểu người Nga sành sỏi công việc, là bộ phim về óc sáng kiến xã hội chủ nghĩa biểu hiện ở sự say mê năng động đối với mảnh đất của mình làm việc, sống theo lương tâm và dự định trong phạm vi cái toàn thể - Đó là đặc điểm tinh thần của chủ thể sáng tạo mới này của thực tế xã hội chủ nghĩa, người đang mong muốn cải tiến công việc kinh tế nước ta, đang dự định về những gì mà *chính* anh ta sẽ làm để thực hiện điều đó. Và trong trường hợp này vấn đề về chủ thể, về con người dưới chế độ xã hội chủ nghĩa đang nổi lên hàng đầu, mặc dù nói chính xác ra thì nhà kinh tế không cần chú ý đến tâm hồn mà chỉ quan tâm đến hiệu quả hoạt động của anh ta mà thôi. Nhưng không thể nào ngăn cách hoàn toàn quá trình kinh tế khỏi cái tinh thần. Nếu như có nhiều Xipcốp như thế và trong “tâm hồn” Xipcốp có tư tưởng Culác, thì chẳng mấy chốc bọn vụ lợi và trộm cướp sẽ vây bọc chúng ta và điều này sẽ nhanh chóng ảnh hưởng đến nền kinh tế, sinh ra sự bất bình đẳng là sự không công bằng xã hội. Nếu như những người như Xipcốp có nhiều nhưng họ không phải là những kẻ Culác “Về tâm hồn”, thì đây là các thành phần của óc sáng kiến giúp vực nền kinh tế lên. Nếu như mà có ít người như Xipcốp thì sự trông cậy vào họ chẳng có mấy ý nghĩa cả về phương diện kinh tế và phương diện xã hội và khi đó cần phải tìm kiếm những người đang hoạt động thiết thực dưới chủ nghĩa xã hội chứ không phải là bịa đặt ra một lần nữa những mẫu người cải biến xã hội. Một thời gian dài chúng ta luôn hướng tới chủ thể lí tưởng - Đây là con người phát triển toàn diện, hài hòa, tràn đầy nhiệt tình. Song, ở nước ta sự phê phán tư cách loại người A đã chuyển sang một mức độ mới. Chẳng hạn như đã xuất hiện sự phê phán “chủ nghĩa kinh tế” từ lập trường giá trị truyền thống dân tộc, tôi thì lại hình dung chính lập trường đó là ngây thơ và viễn vông. Chúng ta đã trả một giá quá đắt cho việc từ chối những đòi hỏi khách quan của tiến bộ khoa học kĩ thuật. Và lại xem xét xã hội truyền thống như các nhà dân túy trước kia, với tư cách là cái màng các giá trị đạo đức thì điều đó chẳng khác gì việc xây dựng cầu dọc theo chiều dài của sông. Đã đến lúc cần thấu suốt rằng, con người dưới chế độ xã hội chủ nghĩa - đây không phải là thiên thần, không phải là cá thể hiếm hoi, mà là chủ thể của văn minh. Do đó, con người cần phải trải qua tất cả các giai đoạn phát triển của mình.

\*

\*        \*

Về con người năng động thông thường người ta đặt ra hai vấn đề. Chẳng hạn như, một vấn đề đã được nêu lên ở Palang tại cuộc hội thảo phối hợp toàn liên bang với chủ đề “xã hội học nhân cách” (9/1988). Đó là, phải chăng “lí tưởng” của con người loại A, hoặc là con người “kinh tế” hoàn toàn không phải là lí tưởng?

Thiết nghĩ rằng ở nước ta ngày nay kiểu người loại A thật sự và bất kỳ kỳ kiểu người nào khác đều không là lí tưởng. Tuy nhiên cần phải có những con người năng động nếu không thì chúng ta sẽ rơi vào tình trạng chậm tiến. Nhưng nhiệm vụ kinh tế không phải là nhiệm vụ duy nhất. Và việc giải quyết nó không phải là mục tiêu duy nhất của xã hội. Sự điều chỉnh xã hội đối với sự phát triển kinh tế là không thể tránh khỏi như chính các nhà nghiên cứu có tư tưởng kinh tế triệt để nhất đã thừa nhận chẳng hạn như S. Melep. Tính năng động kinh doanh không nhất thiết phải suy đồi trong bệnh trục lợi, còn sự tiêu dùng quá mức không cần phải thu hút vào cả các giá trị tinh thần, không trở thành tai họa về mặt đạo đức và sinh thái. Có sự mâu thuẫn về mặt nguyên tắc: Có lẽ, không phải ngẫu nhiên sự cải biến cơ chế kinh tế căn bản được bắt đầu ở nước ta cùng diễn ra cả trong các bài diễn văn của các lãnh tụ Đảng lẫn trong hệ thống các quyết định của chính quyền bằng sự lưu ý của các phương hướng, xã hội trong chính sách. Quả vậy, chúng ta chưa bao giờ như bây giờ lại cần có phẩm chất “chiến sĩ”, óc sáng kiến, và yêu lao động như thế, nhưng chúng ta cũng phải trả cái giá bằng cách xa rời các giá trị nhân đạo. Nếu như chúng ta thực hiện tốt nhiệm vụ này thì chúng sẽ không nằm ở vị trí tụt hậu mà sẽ nằm đúng ở vị trí trung tâm của hệ thống văn minh thế giới.

Vấn đề phổ biến thứ 2: Cải tổ có phải là sự xuất hiện những con người kiểu mới hay không? Chẳng hạn như loài người A? Cải tổ có phải chỉ có nghĩa là con người cần phải tốt hơn và phải làm việc ngày càng tốt hơn không.

Không phải. Trong cách đặt vấn đề như trên lại bộc lộ những niềm hi vọng khai sáng, một lần nữa đây lại là chủ nghĩa duy tâm đạo đức. Cải tổ - đây là sự tạo ra những hoàn cảnh khách quan để đơn giản là không cho phép con người làm việc tồi, hạn chế họ “trở thành người xấu”.

Ngày nay chúng ta muốn nói về chủ thể hành động thực tế, về việc chủ thể đó *phải là người như thế nào*, tình thế buộc phải lựa chọn “là người thụ động hay là người tích cực” đã không bao quát được toàn bộ những người quan liêu giả tích cực lẫn những người thụ động chống lại chế độ quan liêu ngoài Xipcốp tích cực và những người tiêu cực ra, đây là những người mà tiền lương trả cho họ là “tiền lương vô ích”. Thay vào câu hỏi rằng, chủ thể xã hội ở trình độ phát triển xã hội hiện nay *cần phải là người như thế nào*, người ta đang nêu câu hỏi rằng, anh ta *có thể là người như thế nào*, anh ta *đang là người như thế nào*. Về mặt lịch sử anh ta đã có các thay đổi về đặc tính của mình, cả trên thực tiễn lẫn trong ý thức coi người: Có tính năng động cách mạng, đầy nhiệt tình? làm việc vì đồng tiền nhưng có nhiệt tình; Chỉ đơn giản là làm việc; Bị kích thích bởi kinh tế trong công việc? Thụ động, v.v...

Nhìn chung vẫn còn có một số vấn đề không rõ ràng: Con người dưới chế độ xã hội chủ nghĩa chính là người như thế nào? Anh ta phân biệt với con người dưới chế độ tư bản nghĩa bởi cái gì? Chúng ta có thể nói được khá rõ ràng, con người dưới chế độ phong kiến là người như thế nào. Thời đại mới được đặc trưng bởi những thay đổi trong tổng thể xã hội đã sinh ra những chủ thể mới của hành động. Anh ta được hình thành trong sản xuất (lúc bắt đầu phát triển quan hệ tư bản chủ nghĩa) cũng như trong hoạt động cải biến xã hội (Đạo tin lành, thời kỳ phục hưng, các cuộc cách mạng tư sản thời kỳ đầu). Các đặc điểm cơ bản của chủ thể này đã được mô tả ở trên. Chúng được M. Veber xác định như là *tính hợp lý có mục đích* được phân biệt với ý nghĩa của tính hợp lý trong xã hội truyền thống. Đây không phải là đặc tính đầy đủ mà là đặc

tính có nguyên tắc để nhằm chỉ ra các kiểu hoạt động của chủ thể. Sự định hướng đến giá trị có một ý nghĩa quyết định trong xã hội truyền thống. Tính hợp lý của hành động, *tính đúng đắn* của nó trùng hợp với sự thích ứng của nó đối với các giá trị đã được xã hội chấp nhận.

Đây là các giá trị tôn giáo còn được truyền thống lưu lại. *Tính hiệu quả* của hoạt động được thu xếp vào hàng thứ yếu.

Ở xã hội tư sản tính hợp lý của hành động được xác định bởi sự đạt được mục đích. Các giá trị bị đưa ra rìa. *Hoạt động trở thành mục đích tự thân*.

Xã hội cộng sản chủ nghĩa dự định thống nhất hai định hướng bị tách rời này - hướng tới cả mục đích - giá trị nhưng hiện nay, ở giai đoạn xã hội chủ nghĩa vẫn còn phải lựa chọn: giá trị hoặc là mục đích? Trong những năm cao trào cách mạng đã hình thành được các hướng giá trị mới, nhưng những sự thiếu hụt định hướng mục đích gần đây biểu thị đặc tính trội hơn của ảnh hưởng tàn dư phong kiến so với tàn dư chế độ tư bản ở nước ta. Chủ thể chỉ xuất phát từ các giá trị đã bộc lộ sự thiếu hiệu quả của mình. Trong giai đoạn hiện nay chưa thể hình thành được chủ thể mới - chủ thể cộng sản chủ nghĩa.

Sự nóng vội muốn đốt cháy giai đoạn một thời gian dài là căn bệnh của hệ lý luận xã hội của chúng ta chứ không phải là của thực tiễn đã được biểu lộ cả trong việc nhiều nhà nghiên cứu đã bắt đầu xem chủ nghĩa xã hội như là một loại hình đặc biệt của nền văn minh. Cho nên việc tìm kiếm những chủ thể đặc biệt nào đó khác với những chủ thể đã được hình thành bởi nền văn minh tư sản chính là sản phẩm tưởng tượng của chủ nghĩa duy tâm đạo đức và sự nóng vội muốn đốt cháy giai đoạn lịch sử tự nhiên mà thôi. Trong tư tưởng được dẫn ra trên đây của Mác về những hình thái liên hệ của con người trong các xã hội khác nhau thì các chủ thể của xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa không khác nhau, sự phân biệt chỉ là ở “việc chuyên năng xuất tập thể, xã hội của họ thành phúc lợi xã hội”. Và trên ý nghĩa này Xipcốp là một loại người giống với con người xã hội chủ nghĩa hơn là những nhà đạo đức kinh tế. Dù sao thì hiện nay chúng ta đã đến lúc biết bắt đầu từ những yếu tố con người hiện có (với các biểu hiện tốt nhất của anh ta), chứ không phải là từ những mong muốn của ý thức hệ “tốt đẹp”.

Người dịch: **NGUYỄN QUỐC KHÁNH**

Nguồn: Tạp chí Khoa học xã hội

Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô.

Số: 2/1989, Tr 43 - 54.